



KPMG'S CO. /

Digitally signed by  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX  
Date: 2024.08.29 20:51:12 +07'00'

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định số** 151/1999/QĐ-TTG ngày 9 tháng 7 năm 1999

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (“Công ty”) được chuyển từ doanh nghiệp nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 9 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0301825283 ngày 30 tháng 9 năm 1999

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301825283 đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301825283 ngày 14 tháng 5 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Ngô Anh Dũng Ông Nguyễn Tuấn Hưng Bà Đặng Thị Xuân Hương Ông Nguyễn Duy Hải Ông Đàm Trọng Nghĩa Ông Phan Anh Đức Ông Đỗ Hữu Nam	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 23/4/2024)
<b>Ban Giám đốc</b>	Bà Đặng Thị Xuân Hương Ông Đàm Trọng Nghĩa Ông Nguyễn Duy Hải Ông Phạm Văn Toàn Bà Nguyễn Thị Hiền	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/8/2024) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc phụ trách (từ ngày 1/8/2024)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Hoàng Anh Tuấn Ông Trần Văn Trọng Ông Phạm Ngọc Sinh	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên Ban Kiểm soát Thành viên Ban Kiểm soát
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Tầng 7, Tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ Phường 22, Quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

112  
ÔNG  
: NHIỆ  
[P]  
/ LIỆ

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Đại diện Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

(Theo Giấy ủy quyền số 102/PJT-UQ-HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2024)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

TH  
PH  
ĐƯ  
C  
C  
/07

VIỆT NAM  
KPMG



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 2 năm 2024 và báo cáo soát xét ngày 15 tháng 8 năm 2023.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00232-24-2



Trương Vinh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, **29-08-2024**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2024-007-1



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>160.783.861.152</b>	<b>111.352.224.241</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>76.200.813.638</b>	<b>38.746.832.226</b>
Tiền	111		22.700.813.638	18.746.832.226
Các khoản tương đương tiền	112		53.500.000.000	20.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.557.952.419</b>	<b>19.642.561.210</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	36.583.028.194	17.767.677.074
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		399.088.760	865.459.185
Phải thu ngắn hạn khác	136		575.835.465	1.009.424.951
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>46.502.160.125</b>	<b>48.688.584.644</b>
Hàng tồn kho	141		46.502.160.125	48.688.584.644
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>522.934.970</b>	<b>4.274.246.161</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		200.684.360	1.989.356.491
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		299.403.553	2.119.309.538
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	22.847.057	165.580.132
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>286.896.641.893</b>	<b>318.278.823.016</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>30.650.000</b>	<b>30.650.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		30.650.000	30.650.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>286.464.196.858</b>	<b>317.805.497.586</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	286.464.196.858	317.805.497.586
Nguyên giá	222		792.066.925.698	801.564.715.698
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(505.602.728.840)	(483.759.218.112)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>327.802.000</b>	<b>327.802.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		327.802.000	327.802.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>73.993.035</b>	<b>114.873.430</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	33.355.680
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		73.993.035	81.517.750
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>447.680.503.045</b>	<b>429.631.047.257</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này


**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>124.336.619.754</b>	<b>130.701.684.420</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>76.499.676.754</b>	<b>82.864.741.420</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	36.974.928.054	26.626.223.580
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.625.000	704.625.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	5.201.792.855	787.534.259
Phải trả người lao động	314		12.911.650.631	12.919.230.704
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		156.810.093	527.540.099
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.579.117.784	4.518.646.596
Vay ngắn hạn	320	17(a)	15.140.000.000	34.772.850.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	2.530.752.337	2.008.091.182
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.836.943.000</b>	<b>47.836.943.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		300.000.000	300.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	47.536.943.000	47.536.943.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>323.343.883.291</b>	<b>298.929.362.837</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>323.343.883.291</b>	<b>298.929.362.837</b>
Vốn cổ phần	411	20	230.407.170.000	230.407.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.407.170.000	230.407.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		225.423.555	225.423.555
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	47.673.067.777	47.073.067.777
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		45.038.221.959	21.223.701.505
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		18.840.162.350	2.721.070.745
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		26.198.059.609	18.502.630.760
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>447.680.503.045</b>	<b>429.631.047.257</b>

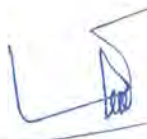
Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Trần Minh Vũ  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Huy Hào  
 Phụ trách Kế toán




Nguyễn Thị Hiền  
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách  
 (Theo Giấy ủy quyền số 102/PJT-UQ-HĐQT  
 ngày 1 tháng 8 năm 2024)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

Mẫu B 02a – DN/HN

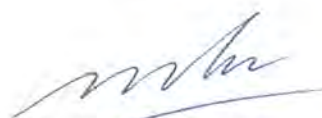
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	8(a)	353.373.814.152	380.018.205.093
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		307.606.672.291	332.361.402.401
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>45.767.141.861</b>	<b>47.656.802.692</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	648.924.959	697.513.852
Chi phí tài chính	22	24	2.883.846.766	6.344.454.696
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.878.585.546	6.224.615.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	16.972.629.151	15.144.721.042
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>26.559.590.903</b>	<b>26.865.140.806</b>
Thu nhập khác	31	26	9.523.310.965	1.318.644.452
Chi phí khác	32	27	2.988.043.744	2.458.870.597
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>6.535.267.221</b>	<b>(1.140.226.145)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>33.094.858.124</b>	<b>25.724.914.661</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	6.889.273.800	5.280.612.995
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	7.524.715	25.713.704
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>26.198.059.609</b>	<b>20.418.587.962</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		26.198.059.609	20.418.587.962
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	981	690

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Người duyệt:



Trần Minh Vũ  
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Huy Hào  
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Hiền  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách  
(Theo Giấy ủy quyền số 102/PJT-UQ-HĐQT  
ngày 1 tháng 8 năm 2024)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>33.094.858.124</b>	<b>25.724.914.661</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	31.341.300.728	33.634.167.894
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(12.543.109)	42.389.809
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.634.329.171)	(601.165.932)
Chi phí lãi vay	06	2.878.585.546	6.224.615.873
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>58.667.872.118</b>	<b>65.024.922.305</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(15.875.296.771)	(15.862.508.139)
Biến động hàng tồn kho	10	2.186.424.519	16.919.249.056
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	8.214.847.417	6.382.003.382
Biến động chi phí trả trước	12	1.822.027.811	1.947.302.911
		<b>55.015.875.094</b>	<b>74.410.969.515</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.986.918.680)	(6.354.807.578)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.218.151.599)	(3.179.790.169)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.260.878.000)	(1.558.593.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>48.549.926.815</b>	<b>63.317.778.768</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	8.076.082.080	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	480.791.713	509.657.105
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>8.556.873.793</b>	<b>509.657.105</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a - DN/HN  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.632.850.000)	(24.125.700.000)
Tiền trả cổ tức	36	(32.512.305)	(34.188.355)
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.665.362.305)	(24.159.888.355)
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	37.441.438.303	39.667.547.518
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	38.746.832.226	33.793.248.274
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12.543.109	(36.597.477)
<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 9)	70	76.200.813.638	73.424.198.315
<hr/>			

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

  
 Trần Minh Vũ  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
 Nguyễn Huy Hòa  
 Phụ trách Kế toán

  
 Nguyễn Thị Hiền  
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách  
 (Theo Giấy ủy quyền số 102/PJT-UQ-HĐQT  
 ngày 1 tháng 8 năm 2024)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 9 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty bao gồm Công ty và công ty con.

**(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động được cấp phép của Công ty và công ty con là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy;
- Dịch vụ sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải thủy, súc rửa tàu; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành; kinh doanh sửa chữa giàn khoan và các thiết bị dầu khí;
- Kinh doanh mua bán các sản phẩm dầu khí;
- Xây dựng, lắp đặt sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng, công trình thủy, kho xăng dầu; kinh doanh xăng dầu cho các tàu biển, tàu sông;
- Đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, lại đất tàu biển; đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, tàu đánh cá; dịch vụ kho bãi, cầu cảng, bến neo đậu tàu; và
- Sửa chữa thiết bị, phương tiện đánh bắt thủy sản; đại lý mua bán sản phẩm xăng dầu cho tàu, thuyền nước ngoài. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh); san lấp mặt bằng; dịch vụ súc rửa vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không xử lý tại thành phố Hồ Chí Minh); ứng cứu tàu tràn.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1 công ty con (1/1/2024: 1 công ty con) như sau:

			30/6/2024 và 1/1/2024 % sở hữu và % quyền biểu quyết
	Hoạt động chính	Địa chỉ	
<b>Công ty con</b>			
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	Thành phố Hồ Chí Minh	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty và công ty con có 363 nhân viên (1/1/2024: 369 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và/hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác***

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 12 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 12 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	3 – 16 năm

**(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(i) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(j) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**(m) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(n) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Công ty và công ty con, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty và công ty con.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Công ty và công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có sự thay đổi trọng yếu nào về các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty và công ty con không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Công ty và công ty con không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**8. Báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Dịch vụ vận tải
- Dịch vụ sửa chữa và đóng tàu
- Kinh doanh hàng hóa (trước ngày 1/1/2024)

Kết quả kinh doanh, tài sản và công nợ của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

1  
0  
1  
H  
0  
1  
A  
S  
E  
H  
11

1  
0  
1  
H  
0  
1  
A  
S  
E  
H  
11

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ sửa chữa và đóng tàu VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	339.755.182.334	13.618.631.818	-	353.373.814.152
Doanh thu giữa các bộ phận	-	3.187.758.394	(3.187.758.394)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	339.755.182.334	16.806.390.212	(3.187.758.394)	353.373.814.152
Lợi nhuận gộp của bộ phận	43.012.961.126	2.754.180.735	-	45.767.141.861
Chi phí phân bổ	(15.358.382.891)	(1.614.246.260)	-	(16.972.629.151)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	27.654.578.235	1.139.934.475	-	28.794.512.710
Doanh thu hoạt động tài chính				648.924.959
Chi phí tài chính				(2.883.846.766)
Thu nhập khác				9.523.310.965
Chi phí khác				(2.988.043.744)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(6.889.273.800)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(7.524.715)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN				26.198.059.609

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

	Kinh doanh hàng hóa VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ sửa chữa và đóng tàu VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	21.923.200	363.084.294.422	16.911.987.471	-	380.018.205.093
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	1.635.015.780	(1.635.015.780)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>21.923.200</b>	<b>363.084.294.422</b>	<b>18.547.003.251</b>	<b>(1.635.015.780)</b>	<b>380.018.205.093</b>
Lợi nhuận gộp của bộ phận	-	45.093.316.784	2.563.485.908	-	47.656.802.692
Chi phí phân bổ	-	(13.405.971.958)	(1.738.749.084)	-	(15.144.721.042)
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>-</b>	<b>31.687.344.826</b>	<b>824.736.824</b>	<b>-</b>	<b>32.512.081.650</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					697.513.852
Chi phí tài chính					(6.344.454.696)
Thu nhập khác					1.318.644.452
Chi phí khác					(2.458.870.597)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5.280.612.995)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(25.713.704)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>					<b>20.418.587.962</b>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ sửa chữa và đóng tàu VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	433.046.325.306	14.817.504.723	(511.128.984)	447.352.701.045 327.802.000
Tổng tài sản				447.680.503.045
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	115.212.916.813	2.668.950.040	(197.853.829)	117.881.866.853 6.454.752.901
Tổng nợ phải trả				124.336.619.754
<b>Chỉ tiêu vốn và khấu hao cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	31.052.874.465	326.049.839	(37.623.576)	31.341.300.728



LIÊN  
HỢP  
KHOẢN  
CỔ PHẦN

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024**

	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ sửa chữa và đóng tàu VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	413.232.108.501	18.927.214.692	(2.856.077.936)	429.303.245.257 327.802.000
Tổng tài sản				429.631.047.257
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	120.484.337.500	6.202.612.449	(2.512.003.307)	124.174.946.642 6.526.737.778
Tổng nợ phải trả				130.701.684.420
<b>Chi tiêu vốn và khấu hao cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	33.280.159.272	391.632.198	(37.623.576)	33.634.167.894

Hình 10

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	676.278.583	416.644.239
Tiền gửi ngân hàng	22.024.535.055	18.330.187.987
Các khoản tương đương tiền (*)	53.500.000.000	20.000.000.000
	<b>76.200.813.638</b>	<b>38.746.832.226</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 2,7 đến 3,0%/năm (1/1/2024: 3,2%/năm).

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<b><i>Công ty mẹ cao cấp nhất</i></b>		
▪ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	21.707.107.072	10.692.173.659
<b><i>Các công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i></b>		
▪ Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	984.349.827	597.284.628
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	937.628.739	-
▪ Công ty Xăng dầu Tiền Giang	253.541.337	239.382.598
▪ Công ty Xăng dầu Quảng Bình	-	741.907.442
	<b>23.882.626.975</b>	<b>12.270.748.327</b>
<b><i>Các bên khác</i></b>		
▪ Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	9.661.369.277	2.254.315.455
▪ Các khách hàng khác	3.039.031.942	3.242.613.292
	<b>12.700.401.219</b>	<b>5.496.928.747</b>
	<b>36.583.028.194</b>	<b>17.767.677.074</b>

Khoản phải thu từ bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có điều khoản thanh toán từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Hàng tồn kho**

	Giá gốc	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	62.225.700
Nguyên vật liệu	43.947.455.606	46.792.004.347
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.554.704.519	1.834.354.597
	<hr/>	<hr/>
	46.502.160.125	48.688.584.644

22  
1Y  
ẤN  
IN  
TP

TP



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	724.111.385	2.448.502.636	790.052.620.620 (9.497.790.000)	522.842.393	7.816.638.664	801.564.715.698 (9.497.790.000)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	724.111.385	2.448.502.636	780.554.830.620	522.842.393	7.816.638.664	792.066.925.698
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	724.111.385	1.964.279.679	473.229.623.996	495.620.170	7.345.582.882	483.759.218.112
Khấu hao trong kỳ	-	75.025.972	31.148.484.525 (9.497.790.000)	7.424.242	110.365.989	31.341.300.728 (9.497.790.000)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	724.111.385	2.039.305.651	494.880.318.521	503.044.412	7.455.948.871	505.602.728.840
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	-	484.222.957	316.822.996.624	27.222.223	471.055.782	317.805.497.586
Số dư cuối kỳ	-	409.196.985	285.674.512.099	19.797.981	360.689.793	286.464.196.858

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 177.950 triệu VND (1/1/2024: 53.058 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 185.487 triệu VND (1/1/2024: 292.985 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17(b)).



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**13. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2024 và 1/1/2024		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết			
Dầu tư góp vốn vào:					
▪ Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp	33.004	0,7%	327.802.000	-	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	73.366.904	-
<i>Các công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Công ty Xăng dầu Nghệ An	8.825.479.048	-
Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV	7.088.903.883	2.521.671.222
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	4.501.319.423	2.411.782.900
Công ty Xăng dầu B12 - Cảng dầu B12	3.821.247.925	-
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	296.132.277	61.433.988
Công ty Xăng dầu Khu vực V - TNHH MTV	192.843.090	-
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng - Chi nhánh tại Nha Trang	150.839.539	1.168.001.315
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn	144.395.130	419.637.134
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	17.402.880	24.095.940
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	9.836.640	-
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	6.334.124	21.323.274
	<hr/>	<hr/>
	25.128.100.863	6.627.945.773
<i>Các bên khác</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Long Phú 68	3.187.548.958	3.204.809.800
Các nhà cung cấp khác	8.659.278.233	16.793.468.007
	<hr/>	<hr/>
	11.846.827.191	19.998.277.807
	<hr/>	<hr/>
	36.974.928.054	26.626.223.580

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán theo hợp đồng.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024		Số phát sinh trong kỳ		30/6/2024	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	-	320.175.214	4.076.566.413	(4.337.098.359)	-	59.643.268
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	20.676.048	(20.676.048)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	395.270.019	6.889.273.800	(2.218.151.599)	-	5.066.392.220
Thuế thu nhập cá nhân	76.043.121	72.089.026	582.362.159	(525.497.754)	22.847.057	75.757.367
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	89.537.011	-	349.146.778	(259.609.767)	-	-
Thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
	165.580.132	787.534.259	11.923.025.198	(7.366.033.527)	22.847.057	5.201.792.855

(\*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	1.201.963.353	1.234.475.658
Kinh phí công đoàn	1.354.293.659	2.014.586.441
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	13.073.427	15.977.581
Các khoản phải trả khác	1.009.787.345	1.253.606.916
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.579.117.784</b>	<b>4.518.646.596</b>
	<hr/>	<hr/>

**17. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2024</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/6/2024</b>
	<b>Giá trị ghi sổ và</b> <b>số có khả năng</b> <b>trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ và</b> <b>số có khả năng</b> <b>trả nợ</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17(b))	34.772.850.000	-	(19.632.850.000)	15.140.000.000
	<hr/>			<hr/>

TP  
 LIN  
 TH  
 NH  
 AN  
 /20/

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	VND	7,8 – 8,3	2026	43.426.943.000	53.066.943.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	VND	7,375 – 8,4	2026	19.250.000.000	24.750.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển – Chi nhánh Sài Gòn	VND	7,8	2024	-	4.492.850.000
				62.676.943.000	82.309.793.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(15.140.000.000)	(34.772.850.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				47.536.943.000	47.536.943.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 185.487 triệu VND (1/1/2024: 292.985 triệu VND) (Thuyết minh 12).

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	2.008.091.182	1.802.310.515
Trích lập trong kỳ	1.783.539.155	3.723.739.542
Sử dụng quỹ	(1.260.878.000)	(1.558.593.000)
Số dư cuối kỳ	2.530.752.337	3.967.457.057

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	230.407.170.000	225.423.555	46.273.067.777	25.677.383.887	302.583.045.219
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	20.418.587.962	20.418.587.962
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	800.000.000	(800.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.723.739.542)	(3.723.739.542)
Chia cổ tức (Thuyết minh 0)	-	-	-	(18.432.573.600)	(18.432.573.600)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	230.407.170.000	225.423.555	47.073.067.777	23.139.658.707	300.845.320.039
<b>Số dư tại ngày 1/1/2024</b>	230.407.170.000	225.423.555	47.073.067.777	21.223.701.505	298.929.362.837
Lợi nhuận thuần trong kỳ (*)	-	-	-	26.198.059.609	26.198.059.609
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	600.000.000	(600.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.783.539.155)	(1.783.539.155)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	230.407.170.000	225.423.555	47.673.067.777	45.038.221.959	323.343.883.291

(\*) Theo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2024, Công ty có kế hoạch chia cổ tức năm 2023 cho các cổ đông bằng cổ phiếu trị giá 18.432.573.600 VND, tương đương 8% vốn điều lệ. Ngày 30 tháng 7 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 trong Nghị quyết số 16/PJT-NQ-HĐQT, theo đó, số lượng cổ phiếu đã phân phối là 1.842.068 cổ phiếu. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán vào ngày 21 tháng 8 năm 2024.

Công ty chưa ghi nhận giao dịch trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu nói trên trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 do việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được thực hiện sau ngày kết thúc niên độ.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	23.040.717	230.407.170.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	23.040.717	230.407.170.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	23.040.717	230.407.170.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Vốn cổ phần của Công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	VND	%
<b>Cổ đông</b>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	118.020.270.000	51,22%
Các cổ đông khác	112.386.900.000	48,78%
	230.407.170.000	100,00%

**21. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ**

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	192.726,00	4.850.089.806	692,29	15.955.897



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	2.268.115.920	2.174.356.800
Trong vòng hai đến năm năm	8.127.415.380	8.697.427.200
Sau năm năm	-	181.196.400
	10.395.531.300	11.052.980.400

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi	518.642.291	601.165.932
Cổ tức được chia	39.604.800	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	74.582.390	96.347.920
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	16.095.478	-
	648.924.959	697.513.852

82  
 01  
 01  
 ET  
 4AA

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.878.585.546	6.224.615.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.708.851	77.449.014
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.552.369	42.389.809
	<u>2.883.846.766</u>	<u>6.344.454.696</u>

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.975.655.722	9.181.994.116
Chi phí khấu hao	589.028.334	611.494.998
Chi phí vật liệu quản lý	284.631.588	217.041.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.519.697.950	2.526.214.035
Chi phí bằng tiền khác	3.603.615.557	2.607.976.409
	<u>16.972.629.151</u>	<u>15.144.721.042</u>

**26. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.076.082.080	-
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	1.113.249.218	1.235.585.671
Thu nhập khác	333.979.667	83.058.781
	<u>9.523.310.965</u>	<u>1.318.644.452</u>

TP  
 LHM  
 TH  
 HC  
 Y  
 (B)  
 // 2024

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Các khoản chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	287.186.342	127.424.073
Chi phí bảo hiểm bồi thường	2.440.836.024	2.300.480.584
Chi phí khác	260.021.378	30.965.940
	<b>2.988.043.744</b>	<b>2.458.870.597</b>

**28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	167.756.503.231	189.217.235.637
Chi phí nhân viên	43.438.192.430	45.456.993.525
Chi phí khấu hao	31.341.300.728	33.634.167.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.261.830.286	75.834.105.301
Chi phí khác	4.501.824.689	4.245.151.589

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	6.731.987.809	5.207.597.595
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	157.285.991	73.015.400
	<b>6.889.273.800</b>	<b>5.280.612.995</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	7.524.715	25.713.704
	<b>6.896.798.515</b>	<b>5.306.326.699</b>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.094.858.124	25.724.914.661
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.618.971.625	5.144.982.932
Chi phí không được khấu trừ thuế	128.461.859	88.328.367
Thu nhập không bị tính thuế	(7.920.960)	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	157.285.991	73.015.400
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.896.798.515	5.306.326.699

**(c) Thuế suất áp dụng**

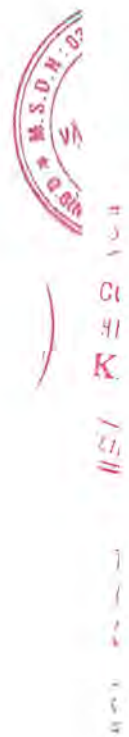
Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ, chi tiết như sau:

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2024 (Số cổ phiếu)	30/6/2023 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại	30/6/2023 (Số cổ phiếu) Theo báo cáo trước đây
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	23.040.717	23.040.717	23.040.717
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 19)	1.842.068	1.842.068	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	24.882.785	24.882.785	23.040.717





**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Giá trị giao dịch**

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30/6/2024**                      **30/6/2023**  
**VND**                                      **VND**

<i>Công ty Bảo hiểm PJICO Gia Định</i>		
Mua dịch vụ	10.581.649.447	6.675.317.811
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	1.040.672.880	1.293.133.543
<i>Công ty Xăng dầu Bà Rịa – Vũng Tàu</i>		
Mua nguyên vật liệu	8.826.136.165	20.556.081.293
<i>Công ty Xăng dầu Phú Khánh</i>		
Mua nguyên vật liệu	7.490.840.200	13.800.501.000
<i>Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex</i>		
Cung cấp dịch vụ vận tải	7.729.645.064	3.852.097.425
<i>Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ</i>		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	7.510.179.195	2.245.113.698
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</i>		
Cung cấp dịch vụ vận tải	5.069.148.750	-
<i>Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng</i>		
Mua dịch vụ	5.104.151.249	4.621.765.514
<i>Công ty Xăng dầu Tiền Giang</i>		
Cung cấp dịch vụ vận tải	1.892.828.714	1.814.284.604
<i>Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn</i>		
Mua nguyên vật liệu	1.653.197.437	1.688.005.902
<i>Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP</i>		
Mua nguyên vật liệu	106.798.200	117.072.000
Chi phí thuê văn phòng	1.312.531.318	1.127.641.170
<i>Công ty Xăng dầu Khu vực V - TNHH MTV</i>		
Mua nguyên vật liệu	1.030.474.115	1.004.091.435
<i>Công ty Xăng dầu Bình Định</i>		
Mua nguyên vật liệu	446.026.855	725.297.380
<i>Công ty Xăng dầu Đồng Nai</i>		
Mua nguyên vật liệu	338.182.200	-
<i>Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long</i>		
Mua dịch vụ	291.666.690	197.272.721

32  
 33  
 34  
 35  
 36  
 37  
 38  
 39  
 40  
 41  
 42  
 43  
 44  
 45  
 46  
 47  
 48  
 49  
 50  
 51  
 52  
 53  
 54  
 55  
 56  
 57  
 58  
 59  
 60  
 61  
 62  
 63  
 64  
 65  
 66  
 67  
 68  
 69  
 70  
 71  
 72  
 73  
 74  
 75  
 76  
 77  
 78  
 79  
 80  
 81  
 82  
 83  
 84  
 85  
 86  
 87  
 88  
 89  
 90  
 91  
 92  
 93  
 94  
 95  
 96  
 97  
 98  
 99  
 100

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Giá trị giao dịch**  
 Kỳ sáu tháng kết thúc ngày  
 30/6/2024                      30/6/2023  
 VND                                      VND

<b>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</b>		
Mua nguyên vật liệu	124.455.500	-
Cung cấp dịch vụ vận tải	95.807.186	2.738.551.700
<b>Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè</b>		
Mua nguyên vật liệu	190.077.544	137.260.022
<b>Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng</b>		
Mua dịch vụ	60.858.000	25.750.800
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco</b>		
Cung cấp dịch vụ vận tải	37.752.000	2.049.472.806
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	165.962.557

**Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

**Hội đồng Quản trị**

Tiền lương, thù lao và thưởng và phúc lợi khác		
Ông Ngô Anh Dũng - Chủ tịch (*)	400.896.000	302.678.325
Ông Phan Anh Đức - Thành viên (*)	264.198.224	284.172.860
Ông Nguyễn Tuấn Hưng - Thành viên	57.061.800	64.573.000
Bà Đặng Thị Xuân Hương - Thành viên	43.200.000	43.200.000
Ông Nguyễn Duy Hải - Thành viên	43.200.000	43.200.000
Ông Đàm Trọng Nghĩa - Thành viên	43.200.000	43.200.000
Ông Đỗ Hữu Nam – Thành viên (từ ngày 23/4/2024)	16.320.000	-
Ông Đỗ Văn Long - Phụ trách HĐQT (đến ngày 21/4/2023)	-	165.159.404

**Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao và thưởng và phúc lợi khác		
Ông Hoàng Anh Tuấn – Trưởng ban	53.690.400	43.200.000
Ông Trần Văn Trọng – Thành viên	37.583.100	30.240.000
Ông Phạm Ngọc Sinh – Thành viên	37.583.100	30.240.000

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác		
Bà Đặng Thị Xuân Hương - Tổng Giám đốc (đến ngày 1/8/2024)	424.056.000	412.178.962
Ông Đàm Trọng Nghĩa – Phó Tổng Giám đốc	342.176.000	332.374.198
Ông Nguyễn Duy Hải – Phó Tổng Giám đốc	342.176.000	328.139.198
Ông Phạm Văn Toàn – Phó Tổng Giám đốc	330.520.000	312.554.086
Bà Nguyễn Thị Hiền – Phó Tổng Giám đốc phụ trách (từ ngày 1/8/2024)	321.344.000	314.064.726

(\*) Thu nhập của các ông Ngô Anh Dũng và ông Phan Anh Đức gồm tiền thù lao, tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi. Thu nhập của các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát chỉ là tiền thù lao.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

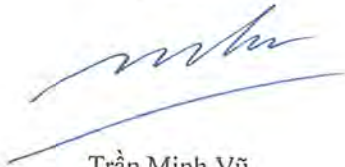
Mẫu B 09a – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Trần Minh Vũ  
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Huy Hào  
Phụ trách Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Hiền  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách  
(Theo Giấy ủy quyền số 102/PJT-UQ-HDQT  
ngày 1 tháng 8 năm 2024)

